TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- H1 phúc**

Bản án số: 325/2018/DS-PT
Ngày: 14-11-2018
"V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự về hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Giao.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Tôn.

Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Bùi Văn Thân – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 11/9/2018, ngày 04/10/2018, ngày 11/10/2018 và ngày 14/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2017/TLPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2017, về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về hụi";

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 79/2017/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 227/2018/QĐ-PT ngày 13 tháng 8 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 236/2018/QĐ-PT ngày 11/9/2018, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 259/2018/QĐ-PT ngày 11/10/2018, Thông báo về thời gian mở lại phiên tòa số 385/TB-TA ngày 02/11/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Hoàng T1, sinh năm: 1971;

Địa chỉ: Số nhà A, quốc lộ B, phường M.P, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Hoàng T1 là ông Phạm Hoàng Đ, sinh năm: 1972; Địa chỉ: Số C, đường V, phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1. Ông Lại Hữu H1, sinh năm: 1959;

2. Bà Nguyễn Kim L, sinh năm: 1961;

Cùng địa chỉ: Số nhà E, ấp T, xã T.M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lại Hữu H1 là Luật sư Cao Minh T2 – Luật sư của Văn phòng Luật sư C; Địa chỉ: Số G, đường Nguyễn C, khóm H, phường M, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Ông Lại Hữu H1 (là bị đơn trong vụ án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lê Hoàng T1 trình bày:

Ông T1 có làm chủ hụi ông H1 tham gia nhiều phần hụi, ông H1 đã hốt nhưng không đóng hụi chết lại cho T1, nên ông T1 có yêu cầu phòng PC44 Công an tỉnh Đ làm việc với ông H1, ông H1 có thừa nhận tham gia chơi hụi như ông T1 trình bày gồm 14 dây hụi: Tổng số tiền ông T1 tính các phần hụi đến khi mãn hụi là 3.112.000.000 đồng. Sau khi Công an tỉnh làm việc ông H1 có trả cho ông T1 03 lần tổng số tiền là 2.287.500 đồng, còn lại 812.500.000 đồng tiền hụi chết ông T1 đã đóng thay cho H1 đến khi hụi mãn đến nay ông H1 chưa trả cho ông T1. Cụ thể 13 dây hụi chết ông H1 tham gia như sau:

1. Hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 15/10/2013 gồm 30 hụi viên, ông H1 tham gia 02 phần:

Phần 1: Khui lần thứ 4 H1 hốt hụi và đóng hụi đến lần thứ 15 thì ngưng còn lại 15 lần không đóng, T1 đóng thay là 150.000.000 đồng.

Phần 2: Khui lần thứ 8 T1 hốt và đóng đến lần thứ 15 ngưng không đóng và T1 đóng thay là 150.000.000 đồng (hụi mãn).

2. Hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 20/11/2013 gồm 19 hụi viên anh H1 tham gia 01 phần và hốt lần thứ 05, sau khi hốt ông H1 đóng hụi chết đến lần thứ 13 ngưng còn 06 lần hụi chết không đóng 60.000.000 đồng ông T1 đã đóng thay (hụi đã mãn).

3. Hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 24/3/2014 gồm 20 phần, ông H1 tham gia 02 phần:

Phần 1: Ông H1 hốt lần thứ 04 sau khi hốt đóng hụi chết đến lần thứ 9 thì ngưng còn 11 lần không đóng hụi chết ông T1 đã đóng thay 110.000.000 đồng.

Phần 2: Ông H1 hốt lần thứ 6 sau khi hốt đóng hụi chết đến lần thứ 9 thì ngưng ông T1 đóng thay đến khi mãn hụi là 11 lần số tiền 110.000.000 đồng (hụi đã mãn).

4. Hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 05/8/2014 gồm 22 phần, ông H1 tham gia 02 phần.

Phần 1: Ông H1 hốt lần thứ 02, đóng hụi chết đến lần thứ 05 thì ngưng ông T1 đóng thay cho ông H1 17 lần hụi chết là 170.000.000 đồng (hụi đã mãn).

Phần 2: Ông H1 hốt lần thứ 05 sau khi hốt không đóng hụi chết lại là 17 lần là 170.000.000 đồng ông T1 đã đóng thay (hụi đã mãn).

5. Hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 09/8/2014 gồm 21 phần ông H1 tham gia 02 phần:

Phần 1: Ông H1 hốt lần thứ 04, sau khi hốt ông H1 đóng 01 lần hụi chết rồi ngưng còn lại 16 lần 160.000.000đ ông T1 đã đóng thay (hụi đã mãn).

Phần 2: Chưa hốt (trừ vào số tiền đã đóng ngày 09/12/2014 (Lần thứ 5) là 44.000.000 đồng (vốn gốc).

6. Hụi 20.000.000 đồng, mở ngày 19/11/2013 có 28 phần ông H1 tham gia 01 phần, ông H1 hốt lần thứ nhất, sau khi hốt ông H1 đóng lại đến lần thứ 13 thì ngưng còn lại 15 lần hụi chết là 300.000.000 đồng ông H1 không đóng và ông T1 đóng thay (hụi đã mãn).

7. Hụi 20.000.000 đồng, mở ngày 07/01/2014 ông H1 tham gia 02 phần:

Phần 1: Hốt lần thứ 2, sau khi hốt H1 đóng lại đến lần thứ 12 rồi ngưng, còn lại 07 lần hụi chết T1 đóng thay là 140.000.000 đồng.

Phần 2: Hốt lần thứ 3, sau khi hốt H1 đóng hụi chết đến lần thứ 12 ngưng còn 07 lần hụi chết là 140.000.000 đồng T1 đã đóng thay.

8. Hụi 20.000.000 đồng, mở ngày 12/01/2014 gồm 20 phần, ông H1 tham gia 02 phần:

Phần 1: Ông H1 hốt lần thứ 02, sau khi hốt ông H1 đóng hụi chết đến lần thứ 12 thì ngưng còn 08 lần hụi chết là 160.000.000 đồng ông T1 đã đóng thay (hụi đã mãn).

Phần 2: Ông H1 hốt lần thứ 4, sau khi hốt ông H1 đóng hụi chết đến lần thứ 12 ngưng, còn lại 08 lần hụi chết là 160.000.000 đồng ông T1 đóng thay (hụi đã mãn).

9. Hụi 20.000.000 đồng, mở ngày 01/02/2014 gồm 19 phần ông H1 tham gia 01 phần ông H1 hốt lần thứ 03, sau khi hốt ông H1 đóng hụi chết đến lần thứ 11 ngưng, còn 08 lần hụi chết là 160.000.000 đồng ông T1 đóng thay (hụi đã mãn).

10. Hụi 20.000.000 đồng, mở ngày 21/05/2014 gồm 19 phần ông H1 tham gia 01 phần, phần hụi này ông H1 hốt lần thứ 2, sau khi hốt hụi ông H1 đóng lại được 07 lần rồi ngưng còn lại 12 lần hụi chết là 240.000.000 đồng (hụi đã mãn).

11. Hụi 20.000.000 đồng, mở ngày 29/6/2014 gồm 21 phần, ông H1 tham gia 01 phần ông H1 hốt lần thứ 4, sau khi hốt ông H1 đóng hụi chết đến lần thứ 6 rồi ngưng, còn lại 15 lần ông T1 đóng thay là 300.000.000 đồng.

12. Hụi 20.000.000 đồng, mở ngày 22/8/2014 gồm 19 phần, ông H1 tham gia 02 phần:

Phần 1: Hốt lần thứ 03, sau khi hốt đóng hụi chết đến lần thứ 04 ngưng, còn 15 lần hụi chết chưa đóng là 300.000.000 đồng.

Phần 2: Chưa hốt trừ số tiền đã đóng đến lần thứ tư (vốn gốc) là 71.400.000 đồng.

13. Hụi mở ngày 11/10/2014, gồm 19 phần ông H1 tham gia 01 phần chưa hốt ông H1 đã đóng đến lần thứ 3 là 52.600.000 đồng.

Tổng số tiền mà ông H1 nợ T1 là 3.112.000.000 đồng, đã trả 2.287.500.000 đồng còn lại 812.500.000 đồng. Đối với các phần hụi sống của ông H1 tham gia đến khi Phòng PC 44 Công an tỉnh Đ giải quyết ông H1 không tiếp tục tham gia nữa ông T1 đã hoàn trả tất cả số tiền hụi sống cho ông H1 của các phần hụi này là 168.000.000 đồng.

Đến đầu năm 2015 do ông H1 đã hốt hụi mà vi phạm nghĩa vụ đóng hụi chết nên ông T1 có yêu cầu Phòng PC 44 Công an tỉnh Đ xem xét dấu hiệu hình sự, tại Phòng PC 44 Công an tỉnh Đ ông H1 cũng thừa nhận việc tham gia chơi hụi với ông T1 và hai bên tiến hành đối chiếu nợ và đến thời điểm ngày 11/5/2015 thì ông H1 và bà L còn nợ lại ông T1 là 2.363.150.000 đồng, đến thời điểm này các phần hụi mà ông H1 hốt có một số phần chưa mãn và ông T1 vẫn tiếp tục khui hụi đến khi mãn hụi, nhưng từ sau khi Phòng PC 44 Công an tỉnh Đ giải quyết thì ông H1 không tiếp tục đóng hụi chết cho T1 và ông T1 phải đóng thay đến khi mãn hụi là 812.500.000 đồng.

Nay ông T1 yêu cầu ông Lại Hữu H1 và bà Nguyễn Thị L cùng liên đới nghĩa vụ trả cho ông T1 số tiền 812.500.000 đồng và tính lãi theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng Nhà nước quy định là 1,25%/ tháng đến khi trả xong nợ.

- Bị đơn ông Lại Hữu H1, đồng thời ông H1 đại diện ủy quyền của Nguyễn Thị L trình bày:

Ông H1 thừa nhận có tham gia chơi hụi do ông T1 làm chủ như ông T1 trình bày nhưng giữa ông H1 và ông T1 đã cấn trừ nợ với nhau xong tại phòng PC 44 công an tỉnh Đ theo Bảng đối chiếu nợ ngày 11/5/2015, hiện tại ông H1 và ông T1 không còn nợ nần gì với nhau nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông T1.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 79/2017/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2017 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 06/2017/QĐ-SCBSBA ngày 16/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Lê Hoàng T1.

- Buộc ông Lại Hữu H1 và bà Nguyễn Kim L cùng liên đới nghĩa vụ trả cho ông Lê Hoàng T1 số tiền hụi vốn, lãi tính đến ngày 09/11/2017 là 914.875.000đ.

Kể từ ngày ông T1 có đơn yêu cầu thi hành án mà ông H1 và bà L chưa trả số tiền nói trên cho ông T1 thì số tiền nói trên được tính lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định.

- Về án phí sơ thẩm dân sự:

- Ông Lê Hoàng T1 phải nộp 2.560.000 đồng (Hai triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng). Tiền án phí của ông T1 được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.312.500 đồng ngày 14/6/2016 theo biên lai số 11335 và 1.204.000 đồng ngày 05/12/2016 theo biên lai số 00864 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, ông T1 được nhận lại 18.956.500 đồng.

- Ông Lại Hữu H1 và bà Nguyễn Kim L cùng có nghĩa vụ nộp 39.446.250 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo luật định.

Ngày 22 tháng 11 năm 2017, ông H1 kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lại Hữu H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Hoàng T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lại Hữu H1 trình bày tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận kháng cáo của ông H1, sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 79/2017/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T1, vì theo Biên bản đối chiếu và cam kết trả nợ ngày 11/5/2015 của Phòng PC 44 Công an tỉnh Đ về nội dung thỏa thuận thì ông H1 đã trả xong nợ hụi cho ông T1, hiện ông H1 không còn nợ tiền hụi gì của ông T1 nên ông H1 không đồng ý trả số tiền hụi 812.500.000 đồng như theo yêu cầu của ông T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp ý kiến về vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 hủy bản án sơ thẩm số: 79/2017/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, bởi các lý do:

- Thứ nhất: Số tiền nợ hụi, tiền đóng hụi giữa đơn khởi kiện và Biên bản đối chiếu cam kết trả nợ có sự mâu thuẫn với nhau mà Tòa sơ thẩm chưa xác minh làm rõ. Theo các chứng cứ trong hồ sơ thì chưa đủ chứng cứ để tuyên buộc ông H1 phải trả cho ông T1 số tiền còn nợ hụi chết là 812.500.000 đồng, cần phải xác minh làm rõ để không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

+ Thứ hai: Theo án sơ thẩm thể hiện ông T1 yêu cầu ông H1 trả tiền hụi chết của 13 dây hụi trên, nhưng trong các dây hụi trên có một số phần hụi sống mà ông H1 đã đóng hụi sống cho ông T1 và số tiền hụi sống này ông H1 cho rằng chưa cấn trừ vào số tiền còn nợ 2.363.150.000 đồng trên. Đối với số tiền hụi

sống trên của ông H1 đã đóng cho ông T1 thì cấp sơ thẩm chưa làm rõ có cấn trừ vào số tiền hụi chết mà ông H1 còn nợ 812.500.000 đồng hay không, bản án sơ thẩm cũng không nhận định đối với các phần hụi sống này ông H1 đã hốt chưa, mãn chưa cũng không đề cập đến. Mặt khác, các phần hụi sống này là ông T1 còn nợ ông H1 nhưng ông T1 yêu cầu ông H1 trả nợ là không có căn cứ.

+ Thứ ba: Ông H1 trình bày cho rằng đã trả xong tiền hụi cho nguyên đơn theo biên bản cam kết trả nợ ngày 11/5/2015, còn ông T1 cho rằng ông H1 còn nợ tiền hụi chết chưa đóng như trên. Như vậy lời khai của ông T1 và ông H1 có sự mâu thuẫn với nhau mà cấp sơ thẩm không cho các đương sự đối chất với nhau là vi phạm thủ tục tố tụng.

Từ những thiếu sót và vi phạm trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số: 79/2017/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến phát biểu của vị luật sư và của vị Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự có mặt tại phiên tòa. Riêng đối với bà Nguyễn Kim L đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp triệu tập hợp lệ để xét xử trong vụ án này, nhưng bà L cố tình vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo nội dung kháng cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm thì phía ông Lại Hữu H1 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 79/2017/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng T1, vì ông H1 cho rằng theo Biên bản đối chiếu và cam kết trả nợ ngày 11/5/2015 của Phòng PC 44 Công an tỉnh Đ về nội dung thỏa thuận thì ông H1 đã trả xong nợ hụi cho ông T1, hiện không còn nợ tiền hụi của ông T1 nên không đồng ý trả số tiền hụi 812.500.000 đồng như theo yêu cầu của ông T1.

[3] Xét qua nội dung kháng cáo cũng như lời trình bày và yêu cầu trên của phía ông Lại Hữu H1 là có căn cứ một phần nên được chấp nhận một phần kháng cáo, bởi lẽ: Trong quá trình thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm thì phía ông H1 không có tài liệu hay chứng cứ gì khác để chứng minh phía ông H1 đã trả đủ tiền hụi chết trong các dây hụi trên cho ông T1; Đồng thời, theo Biên bản đối chiếu và cam kết trả nợ ngày 11/5/2015 của Phòng PC 44 Công an tỉnh Đ không có thể hiện nội dung là ông H1 đã trả xong tiền nợ hụi cho ông T1 và biên bản trên không thể hiện nội dung ông H1 không còn nợ tiền hụi của ông T1; Mặt khác, phía ông T1 cũng không thừa nhận nội dung trong Biên bản đối chiếu và cam kết trả nợ ngày 11/5/2015 trên là ông H1

đã trả xong nợ hụi cho ông T1. Do đó, nghĩ nên buộc ông H1 và và L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T1 812.500.000 đồng số tiền mà ông H1 còn nợ hụi chết của ông T1 theo như án sơ thẩm đã xét xử là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật. Tuy nhiên, trong các dây hụi trên do ông T1 làm chủ hụi và ông H1 tham gia là hụi viên thì có một số phần hụi còn sống của ông H1 trong các dây hụi trên và tại phiên tòa phúc thẩm thì ông Đ đại diện theo ủy quyền của ông T1 và ông H1 cùng thống nhất là ông H1 có đóng hụi sống trong các phần hụi trên cho ông T1 được số tiền tổng cộng là 168.000.000 đồng, nhưng tại cấp sơ thẩm xét xử thì không có trừ số tiền 168.000.000 đồng hụi sống của ông H1 đã đóng cho ông T1 vào tiền nợ hụi chết mà ông H1 còn nợ ông T1. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần phải trừ số tiền 168.000.000 đồng hụi sống của ông H1 đã đóng cho ông T1 vào tiền hụi chết mà ông H1 còn nợ ông T1 là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật. Cụ thể: 812.500.000 đồng - 168.000.000 đồng = 644.5000.000 đồng; Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc ông H1 đóng lãi cho ông T1 đối với số tiền vốn 812.500.000 đồng trên từ ngày 14/6/2016 đến ngày 09/11/2017 là 16 tháng 24 ngày theo mức lãi 0,75% = số tiền lãi 102.375.000 đồng là không có căn cứ, bởi lẽ: Các dây hụi trên do ông T1 làm chủ hụi, ông H1 là hụi viên, mỗi kỳ khui hụi và đóng hụi, góp hụi thì ông T1 đã được hưởng huê hồng trong mỗi lần khui hụi trên, do đó việc Tòa cấp sơ thẩm tuyên buộc ông H1 và bà L trả tiền lãi cho ông T1 với số tiền là 102.375.000 đồng trên là hoàn toàn không có căn cứ nên không được chấp nhận. Từ những nhận định và phân tích trên, nghĩ nên buộc ông H1, bà L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T1 số tiền hụi còn nợ vốn là 644.500.000 đồng mà ông H1 còn nợ tiền hụi chết ông T1 là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ đại diện theo ủy quyền của ông T1 trình bày cho rằng số tiền 168.000.000 đồng tiền hụi sống trên ông T1 đã hoàn trả lại cho ông H1 xong theo biên nhận ngày 13/8/2015. Xét lời trình bày trên của ông Đ là không có cơ sở, bởi lẽ: Ông T1 cho rằng hiện ông H1 còn nợ tiền hụi chết ông T1 chưa trả xong nên ông T1 mới khởi kiện ông H1 yêu cầu trả cho ông T1 tiền hụi chết 812.500.000 đồng nên không lý do gì mà ông T1 lại giao số tiền hụi sống trên lại cho ông H1, đồng thời phía ông H1 cũng không thừa nhận biên nhận ngày 13/8/2015 trên là do ông H1 ký. Đồng thời, ông H1 và ông T1 cũng không yêu cầu giám định đối với biên nhận ngày 13/8/2015 trên. Do đó, lời trình bày trên của ông Đ là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Tại bản án sơ thẩm số: 79/2017/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L đã tuyên buộc ông H1, bà L trả tiền lãi suất chậm thi hành án cho ông T1 theo mức lãi suất cơ bản là chưa phù hợp pháp luật mà phải tuyên lãi suất chậm thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 mới phù hợp theo quy định của pháp luật; Đồng thời, tại bản án sơ thẩm phần nhận định không nêu nội dung lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L trong bản án là chưa đúng theo quy định của mẫu bản án. Do đó, những thiếu sót và vi phạm trên đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm cho các vụ án khác xét xử cho đúng theo quy định của pháp luật đối với các nội dung trên.

[6] Từ những thiếu sót và vi phạm trên theo như đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã phát biểu, Hội đồng xét xử xét thấy khắc phục được tại cấp phúc thẩm và không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm mà cần phải sửa bản án sơ thẩm như Hội đồng xét xử đã phân tích và nhận định trên là hoàn toàn phù hợp, đúng pháp luật.

[7] Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận một phần kháng cáo của ông H1 và sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 79/2017/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L; Đồng thời chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T1 như Hội đồng xét xử đã nhận định và phân tích trên là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

[8] Xét đề nghị của vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Lại Hữu H1 là có căn cứ một phần nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông H1 như đã nhận định và phân tích trên.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa phúc thẩm là chưa phù hợp theo quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

[10] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông T1 được chấp nhận một phần nên ông T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Ông H1, bà L bị buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, ông H1 được chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo và bản án sơ thẩm bị sửa nên ông H1 không phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[11] Các phần khác tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, Điều 228, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 17, Điều 18, Điều 24 đến Điều 31 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 về hụi, họ, biêu, phường.

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lại Hữu H1.

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 79/2017/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng T1.

4. Buộc ông Lại Hữu H1 và bà Nguyễn Kim L cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Hoàng T1 số tiền hụi vốn là 644.500.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi bốn triệu, năm trăm ngàn đồng).

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo lãi suất bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

6. Về án phí:

- Ông Lê Hoàng T1 phải nộp 16.079.000 đồng (Mười sáu triệu, không trăm bảy mươi chín ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tiền án phí của ông T1 được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.312.500 đồng ngày 14/6/2016 theo biên lai số 11335 và 1.204.000 đồng ngày 05/12/2016 theo biên lai số 08864 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, ông T1 được nhận lại 5.437.500 đồng (Năm triệu, bốn trăm ba mươi bảy ngàn, năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lại Hữu H1 và bà Nguyễn Kim L cùng có nghĩa vụ liên đới nộp 29.780.000 đồng (Hai mươi chín triệu, bảy trăm tám mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Lại Hữu H1 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 02059 ngày 22/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, Đồng Tháp.

7. Các phần khác của phần quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Ngọc Giao

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Ngọc Thông – Nguyễn Thị Vĩnh

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Giao